

Bản án số: 36/2023/DS -PT
Ngày 30-11-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS - ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Bùi Đức C, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm ĐL, xã CS, huyện L, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Nguyễn Hoàng, sinh năm 1983— Công ty luật Bách lâm thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 2, số 31, ngõ 1, phố Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Bùi Văn S, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Xóm T, xã CS, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Trịnh, sinh năm 1982— Văn phòng luật sư Trịnh Hương thuộc Đoàn Luật sư

Thành phố Hà Nội; địa chỉ: xã Hòa Thạch, huyện Quốc, Thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh Đức – Phó Chủ tịch UBND huyện L; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị T, sinh năm 1985; Xóm ĐL, xã CS, huyện L, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm Tháy Mỏ, xã CS, huyện L, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn S.

5. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Đức C, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Phùng Nguyễn Hoàng trình bày:

Gia đình ông sinh sống ổn định và lâu dài tại ĐL, CS, L, Hoà Bình. Năm 2005 gia đình ông vào thửa đất hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để phát bụi rậm và sử dụng đất. Được biết chính quyền có chủ trương giao đất rừng, do có nhu cầu sử dụng đất nên đã đăng ký. Đến năm 2012 ông Bùi Đức C được UBND huyện L, tỉnh Hoà Bình giao diện tích 15.631,0 m² thuộc thửa đất số 620, tờ bản đồ 01, địa chỉ: Đồi Sóng, xóm ĐL, xã CS, huyện L, tỉnh Hoà Bình và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00573 đứng tên ông Bùi Đức C. Quá trình quản lý, sử dụng đất ông phát hiện ông Bùi Văn S đã lấn chiếm khoảng 13.000m².

Thời điểm giao đất 2012 tại thực địa thì vẫn là đồi núi bỏ hoang, chỉ có cây mọc tự nhiên không ai canh tác (việc này được trưởng thôn ĐL và địa chính là người trực tiếp đi giao đất chứng kiến và xác nhận). Sau khi nhận đất được giao do gia đình kinh tế khó khăn, neo đơn nên chưa có điều kiện trồng rừng, cho đến khoảng 3 -4 năm sau ông C lên thăm rừng của mình thì đã thấy người khác trồng cây trên đó. Ông C định phá bỏ thì được 1 số người báo phá sẽ bị đi tù nên không phá và tìm hiểu thì được biết người trồng cây trên đất là ông Bùi Văn S. Ông Bùi Đức C đã đến làm việc với ông S để yêu cầu trả đất nhưng ông S không đồng ý.

Sau khi đo đạc thực tế ông C thấy ông S lấn chiếm 11.867m² đất. Nay ông C yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn S trả lại diện đất rừng đã lấn chiếm là 11.867m² tại thửa đất số: 620, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: Đồi Sóng, xóm ĐL, xã CR (nay là CS), huyện L, Hoà Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Văn S trình bày:

Gia đình ông đã sử dụng thửa đất này từ năm 2000 cụ thể gia đình ông đã trồng khai thác được 2 lứa keo. Năm 2019 trồng khai thác lứa thứ 3 thì có hộ gia đình ông Bùi Đức C ở xóm ĐL, CS, L, Hoà Bình đến nói đây là đất của gia đình ông C và có đưa ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012. Gia đình ông đã sử dụng thửa đất này từ 12 năm trước không có tranh chấp với ai, gia đình ông C năm 2012 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến năm 2019 mới đến nói là đất nhà ông C.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông Bùi Văn S đề nghị cơ quan chức năng làm rõ và trả lại công bằng cho gia đình, nếu cấp sai thì thu hồi. Sau đó do Tòa án đang giải quyết nên ông S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

- Bà Đinh Thị T trình bày: Bà hoàn toàn nhất trí đối với các nội dung về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và về quan điểm yêu cầu của chồng bà cũng như người đại diện theo uỷ quyền của ông C trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

- Bà Bùi Thị N trình bày: Thửa đất mà ông C khởi kiện gia đình bà có nguồn gốc từ năm 2000, gia đình bà đã khai hoang trồng keo và bò đề. Từ khi gia đình bà sử dụng thửa đất này thì đất vẫn thuộc địa phận xã TS quản lý, gia đình bà không phải nộp thuế và cũng không đăng ký kê khai. Năm 2109 ông C mang bìa đất S nhà bà nói rằng thửa đất gia đình bà đang sử dụng là của ông C được cấp giấy chứng nhận từ năm 2012. Nay ông C khởi kiện bà không đồng ý.

- Anh Bùi Ngọc D trình bày: Thửa đất do gia đình anh khai hoang, canh tác từ năm 2000, không tranh chấp với ai, gia đình không đi đăng ký sử dụng đất nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông C khởi kiện, anh không đồng ý. Anh Du xin được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án.

Anh Bùi Ngọc K, Bùi Văn D đồng quan điểm với ông S, bà N, anh D và từ chối không tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án không triệu tập.

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Bùi Đức C tại thửa đất số 620, tờ bản đồ 01, diện tích 15631,0 m², mục đích sử dụng: RPN được thực hiện theo Quyết định số 672/2006/QĐ-TTg ngày 28/04/2006 của Thủ tướng chính phủ. Công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đơn vị tư vấn phối hợp với UBND xã CS, trước đây là xã CR, trưởng thôn, chủ sử dụng đất cùng các hộ liền kề tiến hành đo đạc theo Quyết định 672. Hộ gia đình ông Bùi Đức C đã có đơn xin giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, được UBND xã CR xác nhận nguồn gốc sử dụng, tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất theo quy định và được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận kết quả thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ đơn xin giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp của hộ ông Bùi Đức C đã được UBND xã CR và Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương:

Ông Bùi Minh C – Phó Chủ tịch UBND xã CS và ông Sâm Nhân H - Cán bộ địa chính xã CS (Biên bản xác minh ngày 18/5/2021):

Theo bản đồ số 02 và 364 của Hạt Kiểm lâm huyện Lương Sơn thì diện tích các hộ đang tranh chấp thuộc địa phận xã CR. Năm 2005 đoàn công tác của huyện với UBND xã CR và UBND xã TS đã lên thực địa để xác định mốc giới đất rừng giữa 2 xã. Thửa đất đang tranh chấp thuộc xã CR. Thực hiện Quyết định 672/2006/QĐ-TTg ngày 28/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã CR đã triển khai cụ thể. Tại cuộc họp cử tri năm 2006-2008 lãnh đạo xã CR có ý kiến các hộ dân đang canh tác ở đâu, nếu có nhu cầu thì làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty tin học và trắc địa Bình Minh đã ký hợp đồng với UBND tỉnh để đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty Bình Minh đã đi cùng cán bộ địa chính xã, trưởng xóm đã thông báo cho các hộ trên địa bàn về việc đo đạc chỉ giới những hộ nào có nhu cầu thì đi cùng đoàn thể để chỉ ranh giới đất của hộ gia đình mình trong đó có hộ Bùi Đức C. Sau khi có số lô, số thửa Công ty Bình Minh hoàn thiện chữ ký liền kề có danh sách các hộ được niêm yết tại UBND xã và nhà văn hóa xóm.

Hộ ông Bùi Đức C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 620 theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh Hòa Bình nhưng thực tế không canh tác trên đất, trước năm 2019 ông C không

có đơn yêu cầu xã giải quyết tranh chấp đất đai. UBND xã đã tiến hành hòa giải giữa 02 bên nhưng kết quả hòa giải không thành.

Ông Đinh Công H – Trưởng xóm T: Diện tích đất trồng rừng đang xảy ra tranh chấp giữa ông C và ông S nằm trên khu đồi Suối Niu thuộc địa phận xóm Tháy Mỏ, xã TS cũ. Cuối năm 2019 đầu năm 2020 khi tham gia giải quyết tranh chấp giữa 02 bên thì mới được nghe đất tranh chấp của ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế ông C không canh tác, không biết vị trí đất của mình ở đâu, hình thể như thế nào. Hộ ông S đã khai phá và trồng cây từ nhiều năm nay, không tranh chấp với các hộ liền kề.

Trưởng xóm ĐL: Diện tích đất rừng đang tranh chấp thuộc xóm Tháy Mỏ. Cuối năm 2019 ông C có đơn đề nghị UBND xã CS giải quyết, ông mới biết đất của ông C nằm trên khu vực đồi Sóng, xã ĐL và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc các hộ sử dụng đất như thế nào ông không nắm được.

Hạt kiểm lâm huyện Lương Sơn (ngày 21/10/2021): Theo Chỉ thị số 38/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát quy hoạch lại 03 loại rừng gồm rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng đặc dụng. Đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất thì được giao cho các hộ có nhu cầu sử dụng. Thời điểm năm 2012, thửa đất 620 được quy hoạch là rừng phòng hộ. Theo Quyết định 3042/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2017-2025, định hướng 2030 thì thửa đất 620 được rà soát, điều chỉnh từ đất rừng phòng hộ S rừng sản xuất.

Về đối tượng sử dụng: Theo mục c khoản 1 Điều 20 Nghị định 23/2006 ngày 03/3/2006 của Chính phủ thì đối tượng được sử dụng đất rừng sản xuất là cá nhân đang sống trên địa bàn thuộc cấp xã, phường, thị trấn nơi có rừng. Việc giao đất rừng cho các hộ thuộc thẩm quyền của UBND các cấp với sự tham mưu của Phòng TNMT trên cơ sở bản đồ quy hoạch được UBND tỉnh ra Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 04/4/2007.

Theo bản đồ số 02 về giao đất giao rừng thì khu vực ĐL thuộc xã CR cũ quản lý.

Người làm chứng ông Bùi Văn D: Ông sử dụng diện tích đất trồng rừng tại khu đồi Suối Niu từ năm 1998 cùng với các hộ ông S, ông Đ, ông N, ông V, ông Sg. Thời điểm đó khu đất này thuộc xã TS cũ, khi đi kê khai thì biết đất này thuộc xã CR cũ nên gia đình không kê khai nữa, đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người làm chứng ông Bùi Văn Đ: Gia đình ông khai hoang trên đất rừng tại khu vực đồi Suối Niu từ năm 1987 đến năm 1992 đã trồng keo ổn định cho đến nay. Thời điểm gia đình canh tác có hộ ông Diên, ông Vọng, ông Ngự không có hộ ông S. Gia đình đã đi kê khai nhưng đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Bùi Văn Sg: Năm 1997-1998 ông có chia cho ông S một phần đất ở Suối Niu, ông S đã sử dụng từ đó đến nay. Trên đất chủ yếu là cây keo và cây bồ đề. Khi sử dụng đất gia đình chưa có đơn xin đất nên đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông S cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Đinh Thị T: Từ trước năm 1997 gia đình tôi có canh tác đất tại khu Suối Niu thuộc xóm TM. Năm 2006-2007 gia đình bà có đơn xin giao đất lâm nghiệp, đến năm 2012 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi canh tác đất bà có thấy ông S canh tác gần đất nhà bà nhưng không nắm rõ ông S canh tác vào thời điểm nào.

Ông Bùi Văn T và ông Bùi Tiến A: Trước khi gia đình ông và gia đình ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì khu vực đồi Sóng là đất chưa giao cho ai, cây mọc tự nhiên, hộ gia đình có nhu cầu tự lên khai thác chủ yếu lấy măng và lấy củi. Năm 2007 chúng tôi làm đơn lên UBND xã xin cấp đất, sau khi nộp đơn tổ công tác về đo đạc có ông Bùi Đức Đạo là trưởng xóm đi cùng các hộ dân, các hộ tự chỉ dẫn đất của mình, không ai tranh chấp với ai và cùng nhau ký xác nhận ranh giới.

Ngày 13/4/2021, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc. Tài sản trên đất của hộ ông S gồm: 7500 cây keo, 3000 cây bồ đề (không đếm cụ thể), thời điểm trồng 07/2019, các hộ thống nhất mật độ cây là 2,25m²/cây.

Theo kết quả đo đạc ngày 04/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thì phần đất ông Bùi Đức C dẫn đạc có diện tích 12.690m², phần đất ông S dẫn đạc có diện tích 22.191,9m². Đối chiếu với hiện trạng thửa đất do ông S chỉ dẫn nằm trên diện tích đất của ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11.867m².

Kết quả định giá tài sản ngày 30/9/2021, đất có giá là 280.000.000 đồng/1ha; cây keo và bồ đề có giá 52.740.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 06/2022 /DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 273 BLTTDS; Điều 8, Điều 166 BLDS; khoản 3 Điều 50, Điều 123 Luật đất đai 2003; Điều 203 Luật đất đai 2013. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Bùi Văn S.

Buộc ông Bùi Văn S phải trả lại cho ông Bùi Đức C 11.867m² đất.

Toàn bộ diện tích ông S đang sử dụng nằm trong thửa đất 620 tờ bản đồ số 01 diện tích 15631,0m² tên hộ ông Bùi Đức C tại xóm ĐL, xã CR (CS) huyện L, tỉnh Hoà Bình (Theo biên bản trích đo ngày 04/05/2021) của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện Lương Sơn)

Ông Bùi Đức C được quản lý, thu hoạch 5.274 cây keo và cây bồ đề. Ông Bùi Đức C phải thanh toán trả cho ông Bùi Văn S số tiền trị giá cây keo và cây bồ đề là 52.740.000 đồng (Năm mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2022, bị đơn Bùi Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung: Quyết định của bản án sơ thẩm là chưa khách quan, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Việc giao đất cho ông C không đúng quy trình, có nhiều sai sót. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức C; kiến nghị UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00573 đã cấp cho ông Bùi Đức C.

Ngày 11/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình kháng nghị (QĐ số 03/QĐ-VKS-DS), nội dung: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Đức C là không đúng quy định pháp luật, vi phạm Luật đất đai năm 2003. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức C. Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên ông C phải thanh toán cho ông S số tiền 52.740.000 đồng nhưng không tính án phí có giá ngạch đối với số tiền nêu trên là vi phạm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức C, kiến nghị UBND huyện L thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00573 đã cấp cho ông C.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm:

Ngày 11/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã gửi văn bản yêu cầu UBND huyện L đề nghị cung cấp thông tin trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Bùi Đức C. Ngày 23/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình nhận được Công văn 3227/UBND-TNMT về việc cung cấp thông tin trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện L. Ủy ban nhân dân huyện L có ý kiến như sau:

Việc giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng phòng hộ cho các hộ dân ở xã CR, nay là xã CS những năm 2007-2012 được UBND huyện L thực hiện theo Quyết định 672/QĐ-TTg ngày 28/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án thành lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho 08 tỉnh miền núi phía Bắc, duyên hải Bắc Trung Bộ và 09 tỉnh duyên hải miền Trung Đông Nam Bộ.

Căn cứ khoản 2, 3, 4 Điều 76 Luật đất đai năm 2003 thì rừng phòng hộ được giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại chỗ có nhu cầu và khả năng để bảo vệ và phát triển rừng và không có quy định về việc bắt buộc phải là người đang quản lý, sử dụng đất. Hộ ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện giao đất.

Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn Tuyển không đảm bảo, đơn xin giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp ghi đối tượng kê khai xin giao đất là ông Bùi Đức C và bà Đinh Thị Thảo (vợ ông C) nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ghi hộ ông Bùi Đức C là không đúng, thời hạn sử dụng và nguồn gốc sử dụng không đúng.

Để làm rõ nội dung công văn 3227/UBND-TNMT về việc cung cấp thông tin trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện L, ngày 23/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh đã có buổi làm việc với UBND huyện L. Tại buổi làm việc đại diện UBND huyện L có ý kiến:

- Đất được giao cho hộ ông Bùi Đức C đúng quy định, không phải công nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện L thực hiện theo Quyết định 672/2006/QĐ-TTg ngày 28/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với hộ ông S đã tự ý sử dụng đất, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho sử dụng nên không có căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ ông Bùi Văn S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thừa nhận quyền sử dụng đất của họ.

- Đối với các sai sót theo công văn trả lời của UBND huyện (*Công văn 3227/UBND-TNMT*) có sai sót về hình thức thực hiện, UBND huyện sẽ thu hồi và chỉnh lý giấy chứng nhận theo thẩm quyền khi có quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh.

- UBND huyện L không đồng ý với kháng nghị của VKSND huyện L vì các hộ được giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định, mặc dù có sai sót về hình thức nhưng UBND có thể thu hồi và chỉnh lý lại những sai sót nêu trên.

Ngày 07/3/2023 Ủy ban nhân dân huyện L có văn bản 516/UBND-TNMT về việc cho ý kiến đối với Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 11/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, trong đó nêu rõ: Đối với bản án số 06/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, UBND huyện không có ý kiến gì và đồng ý với quyết định mà Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã tuyên trong bản án.

Trong quá trình tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn cụ thể như sau: Toàn bộ diện tích 9773,6 m² đất đang tranh chấp tại thửa đất số 620, tờ bản đồ 01, địa chỉ tại: Đồi Sóng, xóm ĐL, xã CS, huyện L, tỉnh Hòa Bình thuộc quyền sử dụng của hộ ông Bùi Đức C (*diện tích, vị trí đất theo bản trích đo vẽ gửi kèm công văn số 662/CNVPĐKĐĐ ngày 06/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình*). Toàn bộ số cây keo, cây bồ đề đang trồng trên diện tích đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của hộ ông Bùi Đức C. Ông Bùi Đức C tự nguyện hỗ trợ cho hộ ông Bùi Văn S 130.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Bùi Văn S đồng ý nộp 300.000 án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Đức C đã nộp chi phí tố tụng và không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS, tuân thủ đúng quy định về việc thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử từ Điều 285 đến Điều 292 BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án. Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định kháng nghị của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/8/2022 của VKSND huyện Lương Sơn: Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Bùi Đức C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn S trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Thửa đất đang tranh chấp thuộc đời Sống, xóm ĐL, xã CS, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 29/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm. Ngày 14/8/2022, bị đơn Bùi Văn S có đơn kháng cáo, ngày 11/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm. Căn cứ Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn Bùi Văn S kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau nên Viện kiểm sát rút quyết định kháng nghị, đề nghị công nhận thỏa thuận của các đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 289 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với kháng nghị đã được rút tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Cụ thể:

[2.1] Toàn bộ diện tích 9773,6 m² đất đang tranh chấp tại thửa đất số 620, tờ bản đồ 01, địa chỉ tại: Đồi Sổng, xóm ĐL, xã CS, huyện L, tỉnh Hòa Bình thuộc quyền sử dụng của hộ ông Bùi Đức C (*diện tích, vị trí đất theo bản trích đo vẽ gửi kèm công văn số 662/CNVPĐKĐĐ ngày 06/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình*).

[2.2]. Toàn bộ số cây keo, cây bồ đề đang trồng trên diện tích 9773,6 m² đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của hộ ông Bùi Đức C.

[2.3]. Ông Bùi Đức C tự nguyện hỗ trợ cho hộ ông Bùi Văn S 130.000.000 đồng. (*Một trăm ba mươi triệu đồng*)

[3] Về án phí:

Án phí: Ông Bùi Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 289, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể:

- Toàn bộ diện tích 9773,6 m² đất đang tranh chấp tại thửa đất số 620, tờ bản đồ 01, địa chỉ tại: Đồi Sổng, xóm ĐL, xã CS, huyện L, tỉnh Hòa Bình thuộc quyền sử dụng của hộ ông Bùi Đức C (*diện tích, vị trí đất theo bản trích đo vẽ gửi kèm công văn số 662/CNVPĐKĐĐ ngày 06/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình*).

- Toàn bộ số cây keo, cây bồ đề đang trồng trên diện tích 9773,6 m² đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của hộ ông Bùi Đức C.

- Ông Bùi Đức C tự nguyện hỗ trợ cho hộ ông Bùi Văn S 130.000.000 đồng. (*Một trăm ba mươi triệu đồng*)

4. Án phí: Ông Bùi Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

- Ông S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003538 ngày 18/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, nên ông S còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Bùi Đức C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002704 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thỏa thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 30/11/2023.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND H. Lương Sơn;
- VKSND H. Lương Sơn;
- Chi cục THADS H. Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Trường